TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2026/DS-ST
Ngày: 13-02-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công;

2. Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 442/2025/DS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2025, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 464/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2026/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (Tổ chức tài chính vi mô CEP); địa chỉ: A C, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Văn Quốc C, sinh năm 1987; thường trú: 963/12/43/6 Lê Hồng P, khu phố P, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Trung tâm V; địa chỉ: Đường A, khu dân cư V, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc P1, sinh năm 1978, Địa chỉ: 1 khu phố B, phường L, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/10/2022, Bà Lê Thị Ngọc P1 nộp hồ sơ đề nghị vay vốn của Tổ chức T - Chi Nhánh T1. Ngày 11/11/2022, bà Lê Thị Ngọc P1 ký hợp đồng vay vốn và đã nhận vốn vay tại CEP với số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), thời hạn 40 tuần, lãi suất bình quân 0.17%/tuần, phương thức hoàn trả hàng tuần. Trong quá trình vay, bà Lê Thị Ngọc P1 đã không thực hiện đúng thỏa thuận hoàn trả theo hợp đồng đã ký. Từ ngày 31/12/2022 bà Lê Thị Ngọc P1 không tiếp tục trả nợ theo hợp đồng đã ký. Số nợ quá hạn hiện nay bà Lê Thị Ngọc P1 còn nợ Tổ Chức Tài Chính Vi Mô CEP là 23.293.431 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi mốt đồng), trong đó gồm nợ vốn gốc 21.635.931 đồng (Hai mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng), nợ lãi là 1.657.500 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Đại diện chi nhánh T1 đã nhiều lần liên hệ làm việc với Bà Lê Thị Ngọc P1 về số nợ nêu trên nhưng Bà Lê Thị Ngọc P1 trốn tránh và không tiếp tục thực hiện việc trả nợ.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Lê Thị Ngọc P1 trả cho T2 số tiền 23.293.431 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 21.635.931 đồng (Hai mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng), nợ lãi là 1.657.500 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng vay vốn ngày 11/11/2022; Danh sách cho vay; Danh sách đề nghị vay vốn; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động; Giấy uỷ quyền, Quyết định thành lập, bổ nhiệm; Điều lệ Tổ chức tài chính vi mô CEP.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc P1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà Lê Thị Ngọc P1 vắng mặt không rõ lý do, không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên

Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo Hợp đồng vay vốn. Xét, theo quy định tại Điều 4 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010, nguyên đơn là tổ chức tín dụng được quyền cấp tín dụng dưới hình thức cho vay. Do đó, Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác trước đây xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật trong vụ án này là "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại 1 khu phố B, phường L, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét Hợp đồng vay vốn ngày 11/11/2022. Các bên tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự 2015. Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật D sư năm 2015. Như vậy các hợp đồng nêu trên là hợp pháp nên phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn bà Lê Thị Ngọc P1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay vốn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Tại Điều 3 hợp đồng vay vốn nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất cho vay 0,17%/tuần tương đương 16,82%/năm phù hợp theo quy định pháp luật với Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Như vậy thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn bà Lê Thị Ngọc P1 là đúng quy định pháp luật.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm số tiền tạm tính là 23.293.431 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi mốt đồng), trong đó gồm nợ vốn gốc là 21.635.931 đồng (Hai mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng), nợ lãi là 1.657.500 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; các điều 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 117, 119, 351, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Lê Thị Ngọc P1.

Buộc bà Lê Thị Ngọc P1 thanh toán cho Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm số tiền tạm tính là 23.293.431 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc 21.635.931 đồng (Hai mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng), nợ lãi 1.657.500 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu số tiền là 1.164.672 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng).

- Trả lại cho Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm số tiền 582.336 đồng (năm trăm tám mươi hai nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021609 ngày 30/09/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
-TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hạnh